

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Quyên**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tấn Lợi;
2. Ông Đặng Thái Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Đại Phụng** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 461/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị K**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Ú**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn Ú** tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống ban đầu thì hạnh phúc nhưng từ tháng 01 năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình dẫn đến cự cãi thường xuyên. Chị và anh Ú đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Nay chị xét thấy vợ, chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên chị yêu

cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Ú có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1993 và Nguyễn Vũ T, sinh năm 1996, hiện nay hai con chung đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Ú trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về thời gian chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị K.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày chị K về con chung. Nay ly hôn cháu Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Vũ T, sinh năm 1996 đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Trịnh Thị K, bị đơn anh Nguyễn Văn Ú vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú.

Về con chung: Chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1993 và Nguyễn Vũ T, sinh năm 1996. Hiện nay hai con chung đã thành niên tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị K và anh Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trịnh Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị K, bị đơn anh Nguyễn Văn Ú có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K, anh Ú.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng chị K và anh Ú vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay chị Trịnh Thị K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Ú, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú.

[2.2] Về con chung: Chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú thống nhất có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1993 và Nguyễn Vũ T, sinh năm 1996. Hiện nay 02 cháu Nguyễn Tuấn V và Nguyễn Vũ T đã thành niên, tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trịnh Thị K chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Từ những nhận định nêu trên việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú.

2. Về con chung: Ghi nhận 02 (hai) con chung tên Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1993 và Nguyễn Vũ T, sinh năm 1996 đã thành niên, tự lao động nuôi sống được bản thân nên chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006767 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị K và anh Nguyễn Văn Ú vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT - NV) ;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Thạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Quyên